

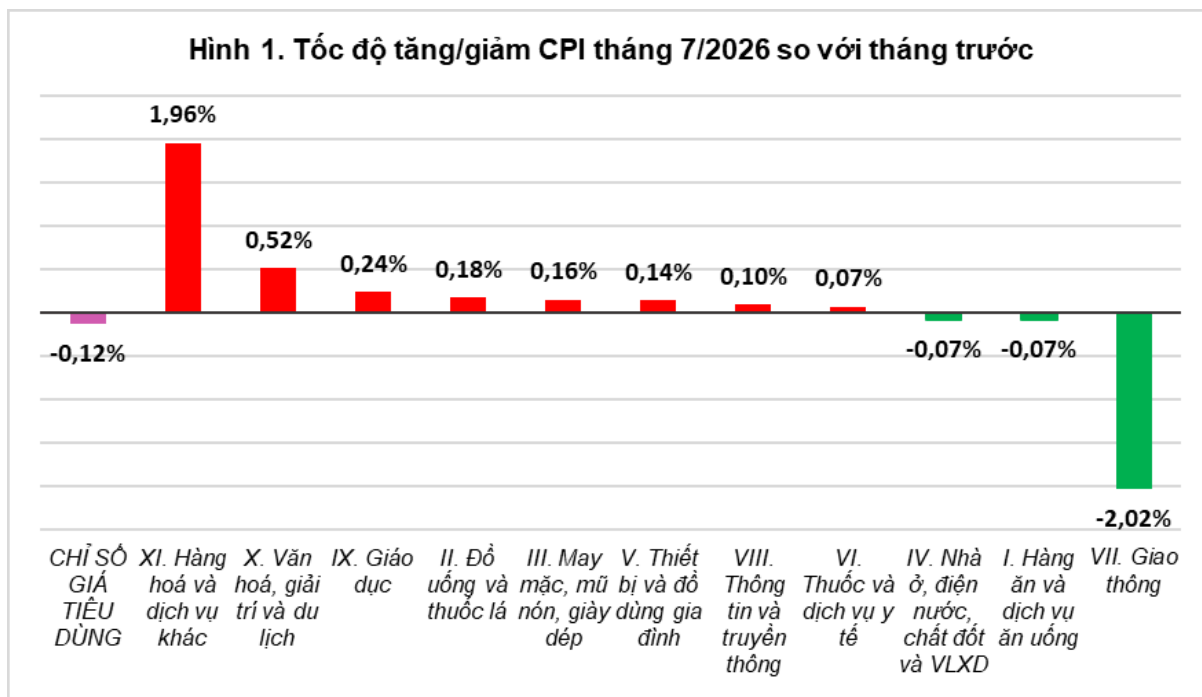
Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG BẢY VÀ 7 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2026 giảm 0,12% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo giá nhiên liệu thế giới và giá lương thực, thực phẩm giảm nhờ nguồn cung dồi dào. So với tháng 12/2025, CPI tháng Bảy tăng 3,08% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,45%. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,19%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 7/2026

So với tháng trước, CPI tháng 7/2026 giảm 0,12% (khu vực thành thị giảm 0,13%; khu vực nông thôn giảm 0,12%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 08 nhóm hàng tăng giá, 03 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 7/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,07%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 7/2026 giảm 0,07% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm, trong đó lương thực giảm 0,5%, tác động giảm 0,02 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm giảm

0,07%, tác động giảm 0,02 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,12%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,5%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 7/2026 giảm 0,5% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,8% (Gạo tẻ thường giảm 0,78%; gạo tẻ ngon giảm 0,88%; gạo nếp giảm 0,84% và gạo nứt tẻ giảm 0,34%). Giá gạo giảm do nguồn cung trong nước tăng khi vụ lúa hè thu bước vào thu hoạch, trong khi nguồn cung gạo thế giới dồi dào, cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu gia tăng và nhu cầu nhập khẩu của một số thị trường lớn suy giảm. Bên cạnh đó, giao dịch trên thị trường nội địa diễn ra chậm, sức mua chưa cao, tạo áp lực giảm giá gạo.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.800-16.900 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.300-22.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.000-23.800 đồng/kg; giá gạo nếp từ 26.700-38.600 đồng/kg.

Chỉ số giá một số mặt hàng lương thực khác giảm so với tháng trước như: Giá khoai giảm 0,8%; bún, bánh phở, bánh đa giảm 0,2%; ngũ cốc khác giảm 0,09%. Ngược lại, giá ngô tăng 1,37% so với tháng trước; sắn tăng 0,3%; bột mì tăng 0,27%.

1.2. Thực phẩm (-0,07%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 7/2026 giảm 0,07% so với tháng trước, chủ yếu giảm giá ở một số nhóm hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn giảm 0,76% so với tháng trước do nguồn cung trên thị trường tương đối ổn định, trong khi sức mua chưa cao. Một số địa phương xuất hiện dịch tả lợn châu Phi khiến việc tiêu thụ chậm hơn, góp phần làm giá giảm. Theo đó, mỡ động vật giảm 0,47%, nội tạng động vật giảm 0,45%; thịt quay, giò, chả giảm 0,04%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống giảm 0,18% chủ yếu do giá tôm tươi hoặc ướp lạnh giảm 0,86% khi nguồn cung trên thị trường tăng, trong khi sức mua trong nước chưa cải thiện rõ. Theo đó, chỉ số giá nhóm thủy hải sản khác chế biến giảm 0,02% so với tháng trước.

- Chỉ số giá thịt gia cầm giảm 0,16% do nguồn cung, đặc biệt là gà lông trắng dồi dào trong khi sức tiêu thụ chưa tăng tương ứng, làm giá thịt gà giảm 0,28%.

- Chỉ số giá nhóm đường mật giảm 0,15% do nguồn cung đường trong nước ổn định, giá đường thế giới có xu hướng giảm và nhu cầu tiêu thụ trong nước chưa tăng mạnh.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng thực phẩm có chỉ số giá tăng so với tháng trước như sau:

- Chỉ số giá trứng các loại tăng 1,25%, nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung giảm, chi phí thức ăn cho gia cầm tăng và nhu cầu thu gom trứng phục vụ sản xuất bánh trung thu tại một số địa phương tăng.

- Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,23% so với tháng trước, trong đó giá các loại rau trái vụ tăng cao như su hào tăng 5,57%; bắp cải tăng 2,08%; khoai tây tăng 1,26%. Bên cạnh đó, thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến sản xuất, thu hoạch và nguồn cung rau xanh, làm phát sinh tình trạng nguồn cung giảm cục bộ tại một số nơi, cụ thể: Giá rau gia vị tươi, khô các loại tăng 1,18%; rau tươi khác tăng 0,48%; rau chế biến các loại tăng 0,35%.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến tăng 0,2% chủ yếu do nguồn cung một số loại trái cây giảm khi bước vào cuối vụ thu hoạch, trong khi nhu cầu tiêu dùng trong mùa hè tăng. Theo đó, giá xoài tăng 3,15%; quả tươi khác như dứa, thanh long, đu đủ tăng 0,61%; quả chế biến tăng 0,56%.

- Chỉ số giá bánh, mứt, kẹo tăng 0,63% so với tháng trước; đồ gia vị tăng 0,55%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,32%; nước mắm, nước chấm tăng 0,16%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,04%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 7/2026 tăng 0,12% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng trong dịp hè tăng và chi phí vận hành của các cơ sở kinh doanh ăn uống tăng. Trong đó, giá đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,41%; uống ngoài gia đình tăng 0,31%; ăn ngoài gia đình tăng 0,04%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 7/2026 tăng 0,18% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát tăng trong mùa nắng nóng, cùng với chi phí nguyên liệu và sản xuất tăng. Trong đó, giá nước khoáng tăng 1,28%; nước giải khát có ga tăng 0,4%; nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,27%; thuốc hút tăng 0,22%; rượu các loại tăng 0,2%; nước quả ép tăng 0,02%. Riêng giá bia các loại giảm nhẹ 0,02%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 7/2026 tăng 0,16% so với tháng trước do chi phí nguyên vật liệu và nhân công tăng, cùng với nhu cầu mua sắm quần áo, giày dép và các mặt hàng phục vụ du lịch hè gia tăng. Trong đó, chỉ số giá giày dép tăng 0,24%; quần áo may sẵn tăng 0,15%; mũ nón tăng 0,12%; dịch vụ may mặc tăng 0,3%. Ở chiều ngược lại, vải các loại giảm 0,11%; may mặc khác giảm 0,06%; dịch vụ giày dép giảm 0,29%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,07%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 7/2026 giảm 0,07% so với tháng trước, tác động làm giảm CPI chung 0,02 điểm phần trăm, chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá gas đun tháng Bảy tiếp tục giảm mạnh 11,41% theo giá thế giới.

- Giá dầu hỏa giảm 1,19% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng 7/2026.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm sau có chỉ số tăng so với tháng trước:

- Giá thuê nhà tăng 0,41% do chi phí quản lý, bảo trì, sửa chữa tăng, đồng thời nhu cầu thuê nhà tại các đô thị lớn vẫn duy trì ở mức cao khiến nhiều chủ nhà điều chỉnh giá thuê. Giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 1,96%.

- Giá điện sinh hoạt tăng 1,55%, giá nước sinh hoạt tăng 0,27%¹ do nhu cầu sử dụng điện, nước tăng trong điều kiện thời tiết nắng nóng kéo dài.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 7/2026 tăng 0,14% so với tháng trước do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng, đồng thời nhu cầu mua sắm các thiết bị làm mát và đồ dùng phục vụ du lịch hè gia tăng. Trong đó, giá đèn điện thấp sáng tăng 0,6% so với tháng trước; đồ điện khác tăng 0,84%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,45%; gương, đồng hồ treo tường, ghế bàn tăng 0,35%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,32%; hàng dệt trong nhà tăng 0,24%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,2%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,18%; quạt điện tăng 0,07%.

Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,63% so với tháng trước; máy đánh trứng giảm 0,6%; máy giặt giảm 0,46%; nồi điện giảm 0,38%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,31%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ giảm 0,13%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,07%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 7/2026 tăng 0,07% so với tháng trước do giá một số loại thuốc tăng nhẹ khi chi phí vận chuyển và nhập khẩu tăng. Trong đó, nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,28% so với tháng trước; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,21%; nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,18%; nhóm thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,16%; dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 0,05%.

7. Giao thông (-2,02%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 7/2026 giảm 2,02% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,2 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá xăng giảm 4,35%; chỉ số giá dầu diezen giảm 9,18% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước theo sát diễn biến thị trường thế giới. Thêm vào đó, giá vận tải hành khách đường hàng không giảm 3,24%; vận tải hành khách bằng đường bộ giảm 0,26%; giá xe ô tô mới và xe ô tô đã qua sử dụng giảm lần lượt là 0,2% và 0,1%.

Ở chiều ngược lại, giá nhóm phụ tùng tăng 0,41% so với tháng trước, trong đó lốp, săm xe đạp tăng 0,56%; phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,55%; lốp, săm xe máy tăng 0,47%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,45%; phụ tùng ô tô tăng 0,14% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng. Chỉ số giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,2% do chi phí nhân công tăng.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 7/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 6/2026.

8. Thông tin và truyền thông (+0,1%)

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 7/2026 tăng 0,1% so với tháng trước. Trong đó, giá sửa chữa điện thoại tăng 0,86%; dịch vụ viễn thông tăng 0,26%.

Ở chiều ngược lại, giá phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,8%; máy điện thoại di động thông thường giảm 0,27%; ti vi màu giảm 0,24%; máy điện thoại cố định, máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng cùng giảm 0,18%.

9. Giáo dục (+0,24%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 7/2026 tăng 0,24% so với tháng trước chủ yếu do một số cơ sở giáo dục và trung tâm đào tạo điều chỉnh học phí làm cho dịch vụ giáo dục tăng 0,29%. Bên cạnh đó, giá bút viết các loại tăng 0,66%; sản phẩm từ giấy tăng 0,54%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,47%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,52%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 7/2026 tăng 0,52% so với tháng trước, chủ yếu tăng ở những dịch vụ sau: Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,26% (du lịch trong nước tăng 1,39%; du lịch ngoài nước tăng 0,48%) do nhu cầu du lịch hè tăng cùng với chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; khách sạn, nhà khách tăng 0,4%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 1,53%; sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,21%; dịch vụ thể thao tăng 0,17%. Ở chiều ngược lại, giá đồ chơi trẻ em giảm 0,13%; thiết bị thể dục thể thao giảm 0,1%; thiết bị văn hóa giảm 0,03%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+1,96%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 7/2026 tăng 1,96% so với tháng trước, chủ yếu do mức đóng bảo hiểm y tế tăng 7,9% theo mức lương cơ sở mới được điều chỉnh. Bên cạnh đó, giá dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,67% do chi phí đầu vào như điện, nước, thuê mặt bằng và nhân công tăng trong mùa hè; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,6%; vật dụng và dịch vụ về hiệu, hỉ tăng 0,37%; dịch vụ hành chính, pháp lý tăng 0,35%; dịch vụ chăm sóc người già (nhà dưỡng lão) tăng 0,16%. Ở chiều ngược lại, giá đồ trang sức giảm 1,53% so với tháng trước theo diễn biến giảm của giá vàng trong nước.

12. Chỉ số giá vàng (-3,02%)

Giá vàng trong nước tháng 7/2026 biến động cùng chiều với giá vàng thế giới và có xu hướng giảm so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tiếp tục duy trì định hướng chính sách tiền tệ thận trọng, đồng USD phục hồi và giữ ở mức cao làm giảm sức hấp dẫn của vàng. Bên cạnh đó, hoạt động chốt lời của các nhà đầu tư sau giai đoạn giá vàng tăng mạnh cũng góp phần gây áp lực lên giá vàng. Tính đến ngày 25/7/2026, bình quân giá vàng thế giới tháng 7/2026 ở mức 4.086 USD/ounce, giảm 4,62% so với tháng 6/2026.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 7/2026 giảm 3,02% so với tháng 6/2026; tăng 19,15% so với cùng kỳ năm trước; giảm 5,66% so với tháng 12/2025; bình quân 7 tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 51,86%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,18%)

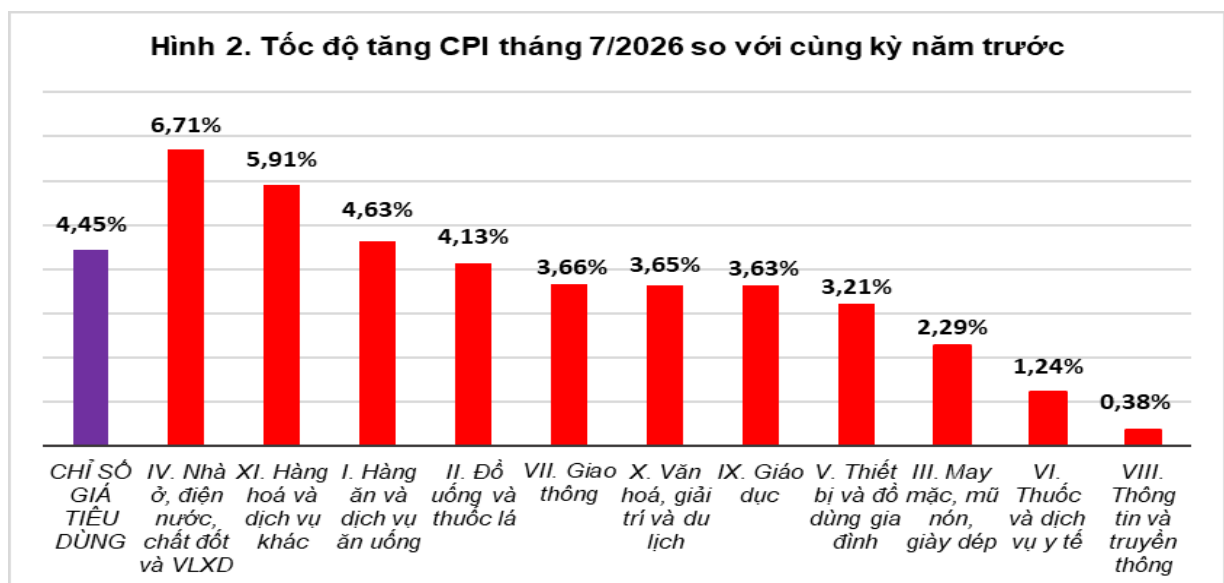
Chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tháng 7/2026 tăng nhẹ theo xu hướng của thị trường quốc tế. Đồng USD tiếp tục được hỗ trợ khi FED duy trì chính sách tiền tệ thận trọng và mặt bằng lãi suất ở mức cao. Bên cạnh đó, các chỉ số kinh tế Mỹ khả quan củng cố kỳ vọng FED chưa sớm nói lỏng chính sách tiền tệ, qua đó làm tăng nhu cầu nắm giữ đồng USD trên thị trường quốc tế. Tính đến ngày 25/7/2026, chỉ số USD bình quân trên thị trường quốc tế tháng 7/2026 đạt mức 100,81 điểm, tăng 0,76 điểm so với tháng 6/2026.

Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2026 tăng 0,18% so với tháng trước; tăng 0,38% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,01% so với tháng 12/2025; bình quân 7 tháng năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,55%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Bảy từ năm 2022 đến năm 2026

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 7 so với tháng trước	0,40	0,45	0,48	0,11	-0,12
CPI tháng 7 so với cùng kỳ năm trước	3,14	2,06	4,36	3,19	4,45
CPI tháng 7 so với tháng 12 năm trước	3,59	1,13	1,89	2,13	3,08
CPI bình quân 7 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,54	3,12	4,12	3,26	4,39

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 7/2026 tăng 4,45%. Tất cả 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đều có giá tăng.



- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,71%, tác động làm CPI chung tăng 1,52 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà, vật liệu bảo dưỡng nhà ở và dịch vụ sửa chữa đều tăng. Cụ thể, giá nhà ở thuê tăng 5,29%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 11,5%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 9,04% do nhu cầu thuê nhà và chi phí nhân công, vật tư sửa chữa tăng. Bên cạnh đó, giá gas và các loại chất đốt khác tăng 23,69% do các đợt điều chỉnh tăng theo diễn biến giá thế giới; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 10,07%; điện sinh hoạt tăng 3,76%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 3,97%; nước sinh hoạt tăng 1,79%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 5,26%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,63% tác động làm CPI chung tăng 1,66 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,73%; thực phẩm tăng 3,98%; ăn uống ngoài gia đình tăng 7,99% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và dịch vụ quản lý tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,13%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Nhóm giao thông tăng 3,66%, tác động làm CPI chung tăng 0,37 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 5,89% do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Giá phụ tùng tăng 4,84%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 7,18%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 6,21% do chi phí nhân công tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,65% chủ yếu do các nhóm hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 6,54%; khách sạn, nhà khách tăng 6,3%; du lịch trọn gói tăng 4,55% do nhu cầu tăng vào dịp nghỉ hè.

- Nhóm giáo dục tăng 3,63%, tác động làm CPI chung tăng 0,22 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh học phí năm học 2025-2026. Trong khi đó, chính sách miễn, giảm và hỗ trợ học phí tại các cơ sở công lập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ đã góp phần hạn chế mức tăng chung của nhóm giáo dục.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,21%, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 7,52%; sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 5,35%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 4,42%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 3,64%.

- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,29%, chủ yếu do dịch vụ may mặc tăng 6,85%; dịch vụ giày dép tăng 5,33%; vải các loại tăng 3,9%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,24%, làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm giá thuốc và thiết bị y tế tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,38% do chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông và chi phí nhân công sửa chữa thiết bị điện thoại tăng, làm giá các dịch vụ này tăng theo.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,91% tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 7,99%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 4,76%.

So với tháng 12/2025, CPI tháng Bảy tăng 3,08% khi cả 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đều tăng giá, phản ánh mặt bằng giá tiêu dùng tiếp tục xu hướng tăng.

Cụ thể:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,1% do giá nhà ở thuê tăng 3,83%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,03%; gas và các loại chất đốt khác tăng 28,62%.

- Nhóm giao thông tăng 4,05% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng từ tháng 3/2026.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 3,73% do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng dịp Tết và du xuân tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,54% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời biến động tỷ giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và sản xuất.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,45%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 5,4%; đồ dùng trong nhà tăng 2,68%; thiết bị trong gia đình tăng 0,29%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,93% do giá ăn uống ngoài gia đình tăng 6,08%; thực phẩm tăng 0,62%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,53%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 4,99%; dịch vụ giày dép tăng 4,57%; vải các loại tăng 2,8%; giày dép tăng 1,87%; quần áo may sẵn tăng 1,25%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,05%, trong đó thuốc các loại tăng 1,71%; dụng cụ y tế tăng 1,7%; dịch vụ y tế tăng 0,72%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,6% do trong năm học 2025-2026 một số trường dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục học nghề, dạy thêm đã điều chỉnh học phí.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,4%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông và sửa chữa điện thoại điều chỉnh tăng.

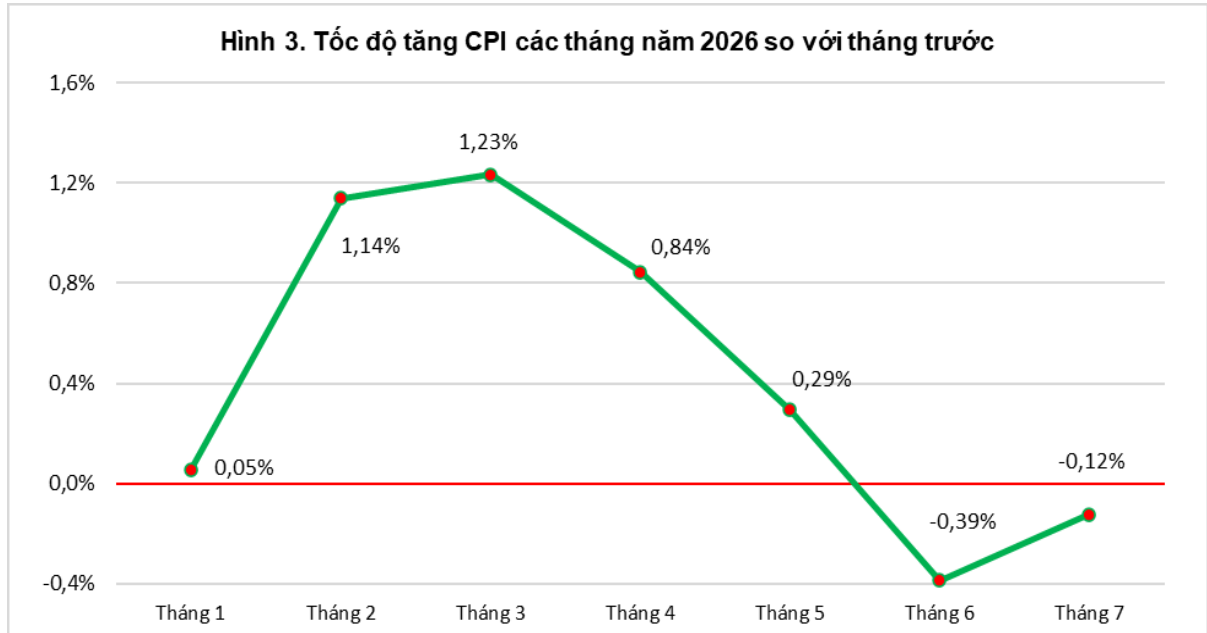
- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 4,61% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng; các dịch vụ cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 7 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng năm 2026 tăng 4,39% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 7 tháng năm 2026 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

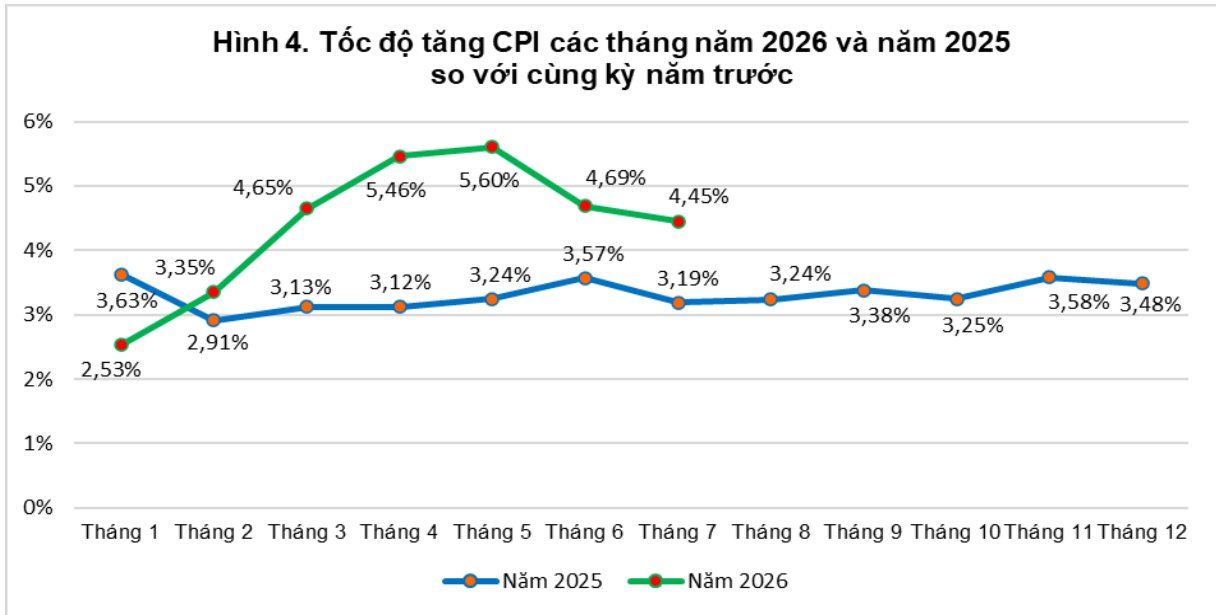
1. Diễn biến giá tiêu dùng 7 tháng năm 2026

1.1. Diễn biến CPI 7 tháng năm 2026 so với tháng trước



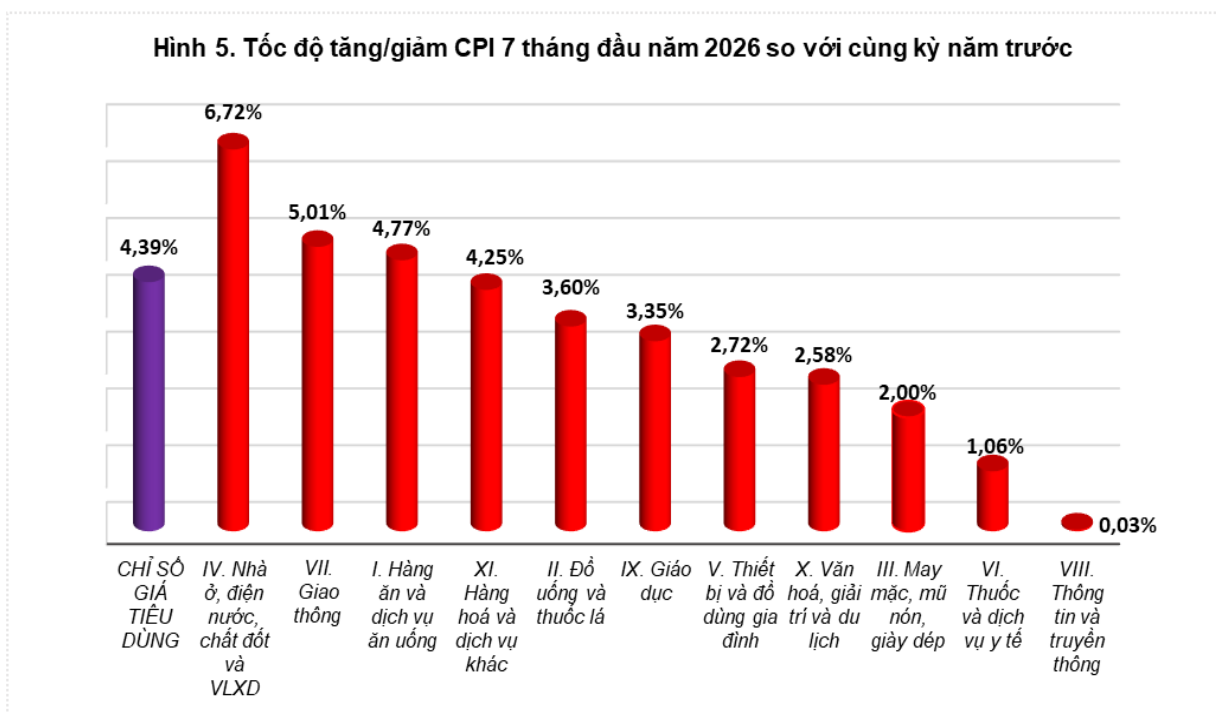
So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tăng liên tục từ tháng Một đến tháng Năm, giảm trong tháng Sáu và tiếp tục giảm trong tháng Bảy, tuy nhiên mức giảm của tháng Bảy thấp hơn tháng Sáu. Diễn biến CPI trong 7 tháng năm 2026 chịu tác động của yếu tố mùa vụ, nhu cầu tiêu dùng trong các dịp Lễ, Tết, cùng với diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường thế giới và chi phí nguyên liệu đầu vào. Cụ thể, CPI tháng Một tăng 0,05% so với tháng trước chủ yếu do giá thịt lợn tăng. Tháng Hai trùng với dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ nên nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ và đi lại của người dân tăng cao làm cho giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng. CPI tăng cao nhất vào tháng Ba với 1,23%, mặc dù là tháng sau Tết nhưng CPI không giảm theo quy luật hàng năm do giá xăng dầu tăng mạnh dưới tác động của thị trường thế giới. Sang tháng Tư, giá xăng dầu hạ nhiệt nhưng giá gas tăng mạnh nên CPI tăng 0,84%. Tháng Năm, CPI tăng 0,29% do giá điện, nước sinh hoạt và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Đến tháng Sáu, CPI giảm 0,39% chủ yếu do giá xăng dầu giảm mạnh. Tháng Bảy, CPI tiếp tục giảm nhưng với mức giảm thấp hơn tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu tiếp tục giảm cùng với giá một số mặt hàng lương thực và thực phẩm giảm. Trong 7 tháng năm 2026, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,43% so với tháng trước.

1.2. Diễn biến CPI 7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, diễn biến CPI năm 2026 có sự khác biệt so với năm 2025 khi mức tăng đạt đỉnh vào tháng Năm với 5,6% trong khi tháng Một có mức tăng thấp nhất với 2,53%. Từ tháng Hai đến tháng Tư, CPI lần lượt tăng 3,35%; 4,65%; 5,46% so với cùng kỳ năm trước. Sang tháng Sáu, CPI tăng 4,69% và tốc độ tăng tiếp tục xu hướng giảm dần vào tháng Bảy với 4,45%. Bình quân 7 tháng năm nay, CPI tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước (7 tháng năm 2025 tăng 3,26%). Mức tăng này chủ yếu do giá xăng dầu, giá gas đun tăng cao theo diễn biến của thị trường thế giới, cùng với đó, giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng do chi phí đầu vào tăng và nhu cầu tiêu dùng của người dân phục hồi.

2. Yếu tố làm tăng CPI 7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,53 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 4,9% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 13,74% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 5,28% do nhu cầu sử dụng điện tăng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 5,01%, làm CPI chung tăng 0,5 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 8,46%².

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,77%, tác động làm CPI chung tăng 1,71 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 4,54%, do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 4,42%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 7,01%, do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,6%, làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,35%, làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học 2025-2026.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,72%, làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,58%, làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2%, làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,06%, làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông tăng nhẹ 0,03%, chủ yếu do giá dịch vụ viễn thông tăng 0,33%.

- Chỉ số nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,25%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 7/2026 tăng 0,33% so với tháng trước và tăng 4,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,39% của CPI bình quân

² So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026, 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi tháng 3/2026, 4/2026, 5/2026, 6/2026, 7/2026 lần lượt tăng 21,6%; 21,47%; 25,12%; 8,97% và 5,89%.

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

chung, do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Bảy và 7 tháng
từ năm 2022 đến năm 2026**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 7 so với tháng trước	0,58	0,36	0,36	0,21	0,33
Lạm phát cơ bản tháng 7 so với cùng kỳ năm trước	2,63	4,11	2,61	3,30	4,63
Lạm phát cơ bản 7 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,44	4,65	2,73	3,18	4,19

CỤC THỐNG KÊ